

BÀI 2. SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.
- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- Trình bày được sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại; phân tích được những tiềm năng chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Nêu và giải thích được những thách thức, hạn chế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Có nhận thức đúng đắn về tính lịch sử, khả năng tự điều chỉnh, tiềm năng phát triển và những mâu thuẫn chưa được giải quyết triệt để của chủ nghĩa tư bản.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Nhận diện và khai thác được tư liệu viết, sơ đồ thời gian, lược đồ, tranh ảnh và số liệu lịch sử trong bài học.
- Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử qua việc xác định các giai đoạn xác lập, mở rộng, phát triển và chuyển biến của chủ nghĩa tư bản.
- Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua việc phân tích mối quan hệ giữa cách mạng tư sản, cách mạng công nghiệp, chủ nghĩa đế quốc, hệ thống thuộc địa và các tổ chức độc quyền.
- Biết so sánh đặc điểm của chủ nghĩa tư bản thời kì tự do cạnh tranh, chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử để nhận xét một số vấn đề của xã hội tư bản hiện nay như tăng trưởng, đổi mới công nghệ, khủng hoảng, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu và xung đột xã hội.
- Rèn luyện năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, phản biện, xử lí thông tin và giải quyết vấn đề.

- **[1.1-NC1-b]** - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Áp dụng được kĩ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số.

- **[1.2-NC1-a/b]** - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá độ tin cậy, tính xác thực của nguồn; tiến hành đánh giá các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau.

3. Về phẩm chất

- Có thái độ khách quan, trung thực và khoa học khi tìm hiểu sự hình thành, phát triển và biến đổi của chủ nghĩa tư bản.
- Có ý thức tôn trọng quyền độc lập, tự quyết của các dân tộc; phản đối xâm lược, áp bức thuộc địa, phân biệt chủng tộc và bất công xã hội.
- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin vào con đường phát triển của Việt Nam trên cơ sở nhận thức đúng đặc điểm và xu thế của thế giới hiện đại.
- Có trách nhiệm trong việc tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng tư liệu lịch sử; chăm chỉ, chủ động và hợp tác trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực; phiếu học tập dành cho HS.
- SGK, SGV Lịch sử 11 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống; tài liệu tham khảo phù hợp.
- Sơ đồ sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ; lược đồ thuộc địa ở Mỹ La-tinh và lược đồ các đế quốc, thuộc địa đầu thế kỉ XX.
- Tranh ảnh trong SGK: bìa Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản; lễ đăng quang Hoàng đế nước Đức thống nhất; một con phố Nhật Bản cuối thế kỉ XIX; tranh biếm hoạ công ti độc quyền; biểu tình chống biến đổi khí hậu; phong trào “Chiếm lấy phố Uôn”.
- Máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu; giấy A0/A3 hoặc bảng nhóm, bút dạ.
- Công cụ số tích hợp: trình duyệt/Google Search; Word, PowerPoint hoặc Google Slides/Google Drive; không yêu cầu sử dụng công cụ AI và không bắt buộc HS đăng kí tài khoản mới.
- GV chuẩn bị sẵn từ khóa gợi ý, đường dẫn hoặc mã QR tới một số nguồn đáng tin cậy; tệp Word/PowerPoint mẫu; ảnh chụp màn hình và tư liệu in dùng khi mất mạng.

2. Học sinh

- SGK Lịch sử 11, vở ghi, bút, thước và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.
- Đọc trước Bài 2; quan sát các hình 1 - 9, lược đồ và sơ đồ trong SGK.
- Ôn lại kiến thức về các cuộc cách mạng tư sản và các cuộc cách mạng công nghiệp.
- Suy tầm một thông tin ngắn về công ti độc quyền, phong trào chống biến đổi khí hậu hoặc phong trào “Chiếm lấy phố Uôn”.
- Điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay theo nhóm nếu có; mỗi nhóm chỉ cần một thiết bị.
- Khi thiếu thiết bị hoặc mất mạng, HS sử dụng tư liệu in, phiếu học tập và bảng nhóm; không làm thay đổi mục tiêu, nội dung và sản phẩm kiến thức của bài học.

Bảng thiết bị và học liệu số bổ sung

Đối tượng	Thiết bị/Học liệu	Mô tả sử dụng
Giáo viên	Máy tính, máy chiếu; trình duyệt; Word/PowerPoint; nguồn	Trình chiếu hình ảnh; cung cấp từ khóa/đường dẫn; phát mẫu phiếu

Đối tượng	Thiết bị/Học liệu	Mô tả sử dụng
	số đã kiểm tra	kiểm chứng; lưu bản ngoại tuyến.
Học sinh	Một thiết bị số theo nhóm; SGK; phiếu học tập	Tìm, đối chiếu và ghi nguồn; tạo 1 trang sản phẩm số; không yêu cầu cài phần mềm phức tạp.
Phương án dự phòng	Tư liệu in, ảnh chụp màn hình, bảng nhóm, USB	Tổ chức nhiệm vụ tương đương khi mất mạng, thiếu thiết bị hoặc HS chưa thành thạo thao tác số.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, giúp HS kết nối kiến thức về cách mạng tư sản với vấn đề xác lập, mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 1, đọc đoạn trích dẫn mở đầu trong SGK và trả lời câu hỏi gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: HS bước đầu nêu được chủ nghĩa tư bản được xác lập và phát triển thông qua các cuộc cách mạng tư sản, quá trình công nghiệp hoá, mở rộng thị trường và tổ chức sản xuất.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu Hình 1 - Bìa Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và giới thiệu nhận định về vai trò lịch sử của giai cấp tư sản trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất.



Hình 1. Bìa Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản

- GV đặt câu hỏi: Từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản đã được xác lập và phát triển bằng những con đường nào? Vì sao chủ nghĩa tư bản có thể mở rộng ra phạm vi thế giới?

- HS suy nghĩ cá nhân, trao đổi theo cặp, nêu dự đoán. GV ghi nhanh các từ khoá: cách mạng tư sản, cách mạng công nghiệp, thị trường, thuộc địa, độc quyền, nhà nước tư sản.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: chủ nghĩa tư bản trải qua nhiều giai đoạn, từ xác lập ở châu Âu và Bắc Mỹ đến mở rộng toàn cầu, chuyển sang độc quyền và phát triển thành chủ nghĩa tư bản hiện đại.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ

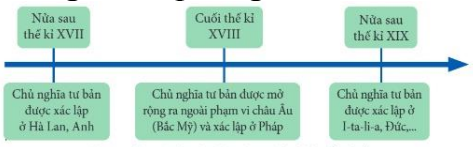
a. Mục tiêu: HS trình bày được các giai đoạn và phạm vi xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ; biết khai thác sơ đồ, tranh ảnh và thông tin SGK.

b. Nội dung: HS khai thác mục 1, quan sát Hình 2, Hình 3 và hoàn thành Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ hoặc bảng tóm tắt quá trình xác lập của chủ nghĩa tư bản từ nửa sau thế kỉ XVII đến nửa sau thế kỉ XIX.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 và xác định ba mốc lớn trong quá trình xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. - GV chia lớp thành 3 nhóm: - Nhóm 1: Trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở Hà Lan và Anh từ nửa sau thế kỉ XVII. - Nhóm 2: Trình bày sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ và Pháp vào cuối thế kỉ XVIII. - Nhóm 3: Trình bày sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở I-ta-li-a, Đức và một số khu vực trong nửa sau thế kỉ XIX. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, quan sát sơ đồ, ghi thời gian, địa bàn, sự kiện và kết quả vào phiếu học tập. - GV hỗ trợ HS nhận ra mối liên hệ giữa thắng lợi của cách mạng tư sản với việc thiết lập chế độ chính trị, pháp luật và thị trường phù hợp cho kinh tế tư bản chủ nghĩa. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày theo trục thời gian; nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- Nửa sau thế kỉ XVII: - Sau Cách mạng tư sản Hà Lan và Cách mạng tư sản Anh, chủ nghĩa tư bản được xác lập ở Hà Lan và Anh. - Cuối thế kỉ XVIII: - Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đưa đến sự ra đời của Hợp chúng quốc Mỹ. - Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII xoá bỏ nhiều rào cản phong kiến, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. - Nửa sau thế kỉ XIX: - Các cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a và Đức thắng lợi; chủ nghĩa tư bản được xác lập ở các quốc gia này. - Nội chiến Mỹ kết thúc, chế độ nô lệ bị bãi bỏ, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác kiến thức; nhấn mạnh quá trình xác lập không diễn ra đồng thời, mà mở rộng từng bước thông qua cách mạng tư sản, chiến tranh giành độc lập và phong trào thống nhất quốc gia.  Hình 2. Sơ đồ sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ  Hình 3. Lễ đăng quang Hoàng đế nước Đức thống nhất (1 - 1871) tại Cung điện Véc-xai	Mỹ phát triển mạnh. - Kết quả chung: - Đến nửa sau thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được xác lập tương đối rộng ở châu Âu và Bắc Mỹ.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Thời gian	Khu vực/quốc gia	Sự kiện tiêu biểu	Kết quả
Nửa sau thế kỉ XVII	Hà Lan, Anh	Cách mạng tư sản thắng lợi	Chủ nghĩa tư bản được xác lập
Cuối thế kỉ XVIII	Bắc Mỹ, Pháp	Chiến tranh giành độc lập; Cách mạng tư sản Pháp	Mở rộng phạm vi của chủ nghĩa tư bản
Nửa sau thế kỉ XIX	I-ta-li-a, Đức, Mỹ	Thống nhất quốc gia; Nội chiến Mỹ	Hoàn thiện thị trường và thể chế tư bản chủ nghĩa

Hoạt động 2. Tìm hiểu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản

- Mục tiêu:** HS trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa, sự mở rộng phạm vi của chủ nghĩa tư bản và sự chuyển biến từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
- Nội dung:** HS khai thác mục 2, quan sát các Hình 4 - 7, thảo luận theo nhóm và hoàn thành Phiếu học tập số 2.
- Sản phẩm học tập:** Bảng tổng hợp về chủ nghĩa đế quốc, quá trình mở rộng của chủ nghĩa tư bản và sự hình thành các tổ chức độc quyền.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ: - Nhóm 1: Khai thác mục a và Hình 6, trình bày nguyên nhân, mục đích và biểu hiện của quá trình xâm lược thuộc địa. - Nhóm 2: Khai thác mục b, Hình 4 và Hình 5, trình bày sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. - Nhóm 3: Khai thác mục c và Hình 7, trình bày sự chuyển biến từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, khai thác lược đồ, tranh ảnh; xác định nguyên nhân, biểu hiện, phạm vi và hệ quả. - GV gợi ý HS phân biệt: mở rộng chủ nghĩa tư bản tại các quốc gia thông qua cải cách, cách mạng; mở rộng hệ thống tư bản bằng xâm lược và áp đặt thuộc địa; chuyển biến bên trong nền kinh tế do tích tụ, tập trung sản xuất. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm trình bày; HS nhận xét lẫn nhau và bổ sung dẫn chứng. - GV yêu cầu HS nhận xét phạm vi của hệ thống thuộc địa và quyền lực của các công ti độc quyền qua Hình 6, Hình 7. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức; nhấn mạnh sự phát triển nhanh của chủ nghĩa tư bản gắn với cách mạng công nghiệp, nhu cầu thị trường, nguyên liệu và vốn, đồng thời dẫn tới xâm lược thuộc địa, cạnh tranh gay gắt và hình thành các tổ chức độc quyền.	- Chủ nghĩa đế quốc và xâm lược thuộc địa: - Sự phát triển của sản xuất làm tăng nhu cầu về nguyên liệu, nhân công, thị trường và nơi đầu tư. - Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước tư bản đẩy mạnh xâm lược, phân chia thuộc địa và thiết lập hệ thống cai trị ở châu Á, châu Phi, Mỹ La-tinh. - Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa nhằm tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ra nước ngoài. - Sự mở rộng và phát triển: - Phong trào giành độc lập ở Mỹ La-tinh đưa đến sự thành lập các quốc gia tư sản. - Duy tân Minh Trị đưa Nhật Bản phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. - Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc lật đổ triều Mãn Thanh, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển, dù không triệt để. - Tự do cạnh tranh sang độc	[1.1-NC1-b] - Áp dụng kĩ thuật tìm kiếm - HS dùng cụm từ khóa cụ thể, ví dụ: “hệ thống thuộc địa đầu thế kỉ XX bản đồ”, “công ti độc quyền đầu mỏ Mỹ 1904”, để tìm một tư liệu bổ trợ cho Hình 6 hoặc Hình 7. - Công cụ: trình duyệt/Google Search; GV có thể cung cấp sẵn 2-3 đường dẫn để giảm thời gian. - Sản phẩm: tên nguồn, chủ thể công bố, thời điểm và thông tin chính thu được. [1.2-NC1-a/b] - Đánh giá nguồn và nội dung số - HS đối chiếu tư liệu với SGK theo các tiêu chí: cơ quan/tác giả, thời gian, mục đích, bằng chứng và mức độ phù hợp. - Sản phẩm minh chứng: Phiếu kiểm chứng nguồn số. - Đánh giá: GV kiểm tra căn cứ lựa chọn nguồn, không đánh giá số lượng kết quả tìm kiếm. - Phương án dự phòng: sử dụng ảnh chụp màn hình hoặc bản in do GV chuẩn bị.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
 <i>Hình 4. Lược đồ thuộc địa của các nước châu Âu ở khu vực Mỹ La-tinh và năm các thuộc địa giành được độc lập</i>  <i>Hình 5. Một con phố ở Nhật Bản cuối thế kỉ XIX</i>  <i>Hình 6. Lược đồ các đế quốc và thuộc địa đầu thế kỉ XX</i>  <i>Hình 7. Tranh biếm họa về một công ti độc quyền dầu mỏ ở Mỹ (1904)</i>	quyền: - Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, tích tụ và tập trung sản xuất làm xuất hiện các xí nghiệp quy mô lớn và tổ chức độc quyền. - Các tổ chức độc quyền như các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rót chi phối sản xuất, thị trường, giá cả và có ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế, chính trị.	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nội dung	Nguyên nhân/điều kiện	Biểu hiện	Tác động
Xâm lược thuộc địa	Nhu cầu nguyên liệu, thị trường, nhân công, đầu tư	Thiết lập hệ thống thuộc địa rộng lớn	Mở rộng hệ thống tư bản nhưng gây áp bức, bóc lột và xung đột
Mở rộng chủ nghĩa tư bản	Cách mạng, cải cách và phong trào dân tộc	Mỹ La-tinh, Nhật Bản, Trung Quốc	Tăng phạm vi ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản
Chuyển sang độc quyền	Tích tụ, tập trung sản xuất và cạnh tranh	Công ti lớn, các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rót	Chi phối thị trường, giá cả, chính trị và xã hội

Hoạt động 3. Tìm hiểu chủ nghĩa tư bản hiện đại

a. Mục tiêu: HS nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại; trình bày được tiềm năng và phân tích được những thách thức, hạn chế chủ yếu.

b. Nội dung: HS khai thác mục 3, quan sát Hình 8, Hình 9, thảo luận và liên hệ thực tiễn.

c. Sản phẩm học tập: Bảng phân tích khái niệm, tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại; ý kiến cá nhân có dẫn chứng.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu câu hỏi: Chủ nghĩa tư bản hiện đại bắt đầu từ thời điểm nào? Có những đặc điểm mới nào so với giai đoạn cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? - GV chia lớp thành 3 nhóm: - Nhóm 1: Trình bày khái niệm và những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Nhóm 2: Phân tích những tiềm năng về kinh tế, khoa học - công nghệ, quản lí và khả năng tự điều chỉnh. - Nhóm 3: Phân tích các thách thức về khủng hoảng, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu, phân biệt chủng tộc và xung đột xã hội.	- Khái niệm: - Chủ nghĩa tư bản hiện đại là giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, với những biểu hiện mới về kinh tế, chính trị, xã hội và vai trò điều tiết của nhà nước. - Tiềm năng: - Có sức sản xuất cao, nền tảng khoa học - công nghệ hiện đại, nguồn vốn lớn và kinh nghiệm quản lí. - Có khả năng tự điều	[1.2-NC1-a/b] - Đánh giá nguồn và nội dung số - HS đối chiếu tư liệu với SGK theo các tiêu chí: cơ quan/tác giả, thời gian, mục đích, bằng chứng và mức độ phù hợp. - Sản phẩm minh chứng: Phiếu kiểm chứng nguồn số. - Đánh giá: GV kiểm tra căn cứ lựa chọn nguồn, không đánh giá số lượng kết quả tìm kiếm. - Phương án dự phòng: sử dụng ảnh

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK, quan sát Hình 8, Hình 9, tìm dẫn chứng và hoàn thành bảng nhóm. - GV lưu ý HS đánh giá cân bằng: chủ nghĩa tư bản hiện đại có sức sản xuất, công nghệ và khả năng thích nghi lớn, nhưng không đồng nghĩa đã giải quyết triệt để các mâu thuẫn kinh tế, xã hội và môi trường. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm trình bày; lớp trao đổi, phản biện và bổ sung ví dụ. - GV đặt câu hỏi mở: Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã thay đổi hình thức như thế nào, và những vấn đề nào cho thấy bản chất cạnh tranh, bất bình đẳng vẫn tồn tại? Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chuẩn xác kiến thức, định hướng HS nhận thức khách quan, không tuyệt đối hoá thành tựu hoặc hạn chế; biết vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề thời sự. Hình 8. Biểu tình chống biến đổi khí hậu ở Anh (2019) Hình 9. Người biểu tình ở Niu Ôc tham gia phong trào “Chiếm lấy phố Uôn” (2011)	chính, thích nghi với biến động và sử dụng thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp để phát triển. - Hệ thống chính trị, pháp luật và quản trị ngày càng hoàn thiện; nhà nước tư sản can thiệp sâu hơn vào kinh tế và an sinh xã hội. - Thách thức và hạn chế: - Khó giải quyết triệt để các cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính mang tính chu kì và toàn cầu. - Bất bình đẳng thu nhập, khoảng cách giàu nghèo, phân biệt chủng tộc và các hình thức bất công xã hội vẫn tồn tại. - Tăng trưởng kinh tế gây sức ép lớn lên tài nguyên, môi trường và khí hậu. - Mâu thuẫn xã hội, phong trào phản đối độc quyền, bất bình đẳng và các chính sách kinh tế tiếp tục diễn ra.	chụp màn hình hoặc bản in do GV chuẩn bị.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nội dung	Biểu hiện	Ví dụ	Nhận xét
Tiềm năng kinh tế	Năng suất cao, vốn lớn, quản trị hiện đại	Các nền kinh tế phát triển	Tạo khả năng tăng trưởng và đổi mới
Khoa học - công nghệ	Ứng dụng thành tựu công nghiệp hiện đại	Công nghệ số, AI, tự động hoá	Nâng cao năng lực cạnh tranh
Khả năng điều chỉnh	Vai trò điều tiết của nhà nước và chính sách xã hội	Quản lý vĩ mô, phúc lợi	Giúp thích nghi nhưng không xoá bỏ hoàn toàn khủng hoảng
Thách thức	Khủng hoảng, bất bình đẳng, môi trường, xung đột	Chiếm lấy phổ Uôn; biểu tình khí hậu	Mâu thuẫn cơ bản vẫn tồn tại

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố và hệ thống hoá kiến thức về sự xác lập, mở rộng, chuyển biến và đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

b. Nội dung: HS hoàn thành bảng tóm tắt và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Bảng kiến thức hoàn chỉnh và phần giải thích của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Câu 1. Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Giai đoạn/nội dung	Thời gian	Đặc điểm chính	Ý nghĩa/hệ quả
Xác lập ở châu Âu và Bắc Mỹ	Nửa sau thế kỉ XVII - nửa sau thế kỉ XIX	Cách mạng tư sản, độc lập dân tộc, thống nhất quốc gia	Hình thành hệ thống quốc gia tư bản chủ nghĩa
Mở rộng thuộc địa và phạm vi	Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX	Xâm lược thuộc địa; cải cách, cách mạng ở nhiều khu vực	Chủ nghĩa tư bản mở rộng trên phạm vi thế giới
Chuyển sang độc quyền	Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX	Tích tụ sản xuất, tổ chức độc quyền	Chi phối thị trường và đời sống chính trị, xã hội
Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Sau năm 1945 đến nay	Khoa học - công nghệ cao, vai trò nhà nước lớn, toàn cầu hoá	Tiềm năng phát triển cao nhưng mâu thuẫn và thách thức vẫn tồn tại

- Câu 2. Phân biệt chủ nghĩa tư bản thời kì tự do cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản độc quyền.

- Câu 3. Nêu ba tiềm năng và ba thách thức tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Câu 4. Dựa vào Hình 8 và Hình 9, hãy giải thích vì sao các phong trào xã hội vẫn diễn ra ở các nước tư bản phát triển.
- GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức; yêu cầu HS sử dụng dẫn chứng và tránh nhận xét tuyệt đối, phiến diện.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức lịch sử để nhận xét các vấn đề của xã hội tư bản hiện nay và rèn luyện kỹ năng sưu tầm, xử lý tư liệu.
- b. Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm ngoài giờ học.
- c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn, bài luận ngắn, sơ đồ tư duy hoặc báo cáo có dẫn nguồn.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- Nhiệm vụ 1. Có quan điểm cho rằng: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay đã thay đổi về bản chất, không còn là chủ nghĩa tư bản như trước đây”. Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu ý kiến của em.
- Gợi ý: HS cần chỉ ra những thay đổi về hình thức tổ chức, khoa học - công nghệ, quản lý và vai trò của nhà nước; đồng thời phân tích các mâu thuẫn về lợi ích, bất bình đẳng, khủng hoảng và môi trường vẫn tồn tại.
- Nhiệm vụ 2. Sưu tầm tư liệu về phong trào “Chiếm lấy phố Uôn”, giải thích vì sao phong trào chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhưng nhanh chóng lan rộng ở nhiều thành phố.
- Nhiệm vụ 3. Lựa chọn một quốc gia tư bản phát triển, lập bảng ngắn về ba thế mạnh và ba vấn đề xã hội, môi trường đang đặt ra đối với quốc gia đó.
- GV hướng dẫn HS lựa chọn nguồn thông tin đáng tin cậy, ghi rõ nguồn, trình bày bằng lời của mình và nộp sản phẩm theo thời hạn phù hợp.

E. NHẬN XÉT SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC

1. Phiếu kiểm chứng nguồn số

Từ khóa	Tên nguồn/đường dẫn	Tác giả/cơ quan	Thời điểm	Căn cứ đối chiếu	Kết luận
.....					
.....					
.....					

